TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN R
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc.

Bản án số: 02/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 02 - 6- 2020
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hường.
2. Bà Kiều Việt Phương.

Thư ký tòa án: Ông Trần Tiến Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi: Bà Hoàng Thị Thương Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:137/2019/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2019, về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST – HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị T sinh năm 1989 (Vắng mặt).
HKTT: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.
Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện U, tỉnh Quảng Nam.
- *Bị đơn:* Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1988 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2019, bản tự khai chị Mai Thị T trình bày: Tôi và anh Võ Văn Đ tự nguyện yêu thương nhau, ngày 08/02/2011 chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ hay nhậu

nhẹt không quan tâm đến vợ con. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh Đ không còn nên yêu cầu được ly hôn đối với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 22/9/2011; Võ Thu H1 sinh ngày 17/5/2017, khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi hai con yêu cầu anh Đ trợ cấp nuôi mỗi con 1.500.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

***** Anh Võ Văn Đ đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không có bản trình bày, không đến Tòa án làm việc.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R:* Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T.

Tuyên xử chị Mai Thị T được ly hôn anh Võ Văn Đ.

Giao hai con chung của chị Mai Thị T anh Võ Văn Đ là cháu Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 22/9/2011; Võ Thu H1 sinh ngày 17/5/2017, cho chị T nuôi dưỡng giáo dục anh Đ phải cấp dưỡng cho 02 con chung cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh Võ Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Mai Thị T anh Võ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện R thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Mai Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Võ Văn Đ được triệu tập hợp lệ lần 2 vẫn vắng mặt căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy chị Mai Thị T anh Võ Văn Đ tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện R vào ngày 08 tháng 2 năm 2011 theo đúng qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình được UBND xã E cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T anh Đ chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của anh Đ tại xã E, huyện R, trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do anh Đ không quan tâm gia đình, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng chị T anh Đ không thể chung sống được, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và các thông

báo cho anh Đ nhưng anh Đ không có bản trình bày. Hội đồng xét xử thấy tình cảm của chị T và anh Đ không còn nên cần cho chị T ly hôn với anh Đ theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để hai bên tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T anh Đ có hai con chung là cháu Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 22/9/2011; Võ Thu H1 sinh ngày 17/5/2017, chị T yêu cầu nuôi hai con yêu cầu anh Đ trợ cấp nuôi mỗi con 1.500.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi. Theo lời khai của chị T thì cháu H1 hiện đang do chị nuôi dưỡng giáo dục, cháu H hiện do anh Đ nuôi dưỡng giáo dục, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2020 cháu H có nguyện vọng được sống với chị T khi Cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng của cháu H là có căn cứ và chính đáng nên giao hai cháu H, H1 cho chị T nuôi dưỡng giáo dục, mỗi tháng anh Đ phải cấp dưỡng mỗi cháu là 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian tính từ ngày tuyên án.

Anh Đ được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị T anh Võ Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ : Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T.

Tuyên xử: Chị Mai Thị T được ly hôn anh Võ Văn Đ.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 22/9/2011; Võ Thu H1 sinh ngày 17/5/2017, cho chị Mai Thị T nuôi dưỡng giáo dục. Anh Võ Văn Đ phải giao cháu Võ Thị Ngọc H cho chị T nuôi dưỡng giáo dục. Mỗi tháng anh Đ phải cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi thời gian tính từ ngày 02/6/2020.

Anh Võ Văn Đ có quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở; anh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004495, ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Anh Võ Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nhà, tại UBND xã nơi cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND huyện R;*
- *Chi cục THADS huyện R;*
- *UBND xã E;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VT.*